

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

(Kèm theo Quyết định số: #sovb/QĐ-UBND ngày #nbh/8/2023 của UBND huyện Phước Sơn)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	507.230.000.000	1.253.304.806.241	247,1
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	257.538.000.000	409.041.232.241	158,8
1	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	136.175.000.000	211.158.795.260	155,1
2	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	121.363.000.000	197.882.436.981	163,1
II	Thuy huy động, đóng góp	2.000.000.000	1.066.675.318	53,3
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	174.972.000.000	420.559.803.756	240,4
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	38.906.000.000	38.906.000.000	100,0
2	Thu bổ sung có mục tiêu	136.066.000.000	381.653.803.756	280,5
IV	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	0	0	
V	Thu kết dư		4.847.127.508	
VI	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	72.720.000.000	417.789.967.418	574,5
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	507.230.000.000	1.253.286.025.334	247,1
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	507.230.000.000	503.605.462.010	99,3
1	Chi đầu tư phát triển	148.498.000.000	165.456.942.301	111,4
2	Chi thường xuyên	347.052.000.000	338.148.519.709	97,4
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
5	Dự phòng ngân sách	11.680.000.000		0,0
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
II	Chi các chương trình mục tiêu	-	83.071.735.779	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-	34.992.434.500	
1.1	Giảm nghèo bền vững	-	4.236.955.000	
1.2	Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	-	14.459.539.500	
1.3	Xây dựng Nông thôn mới	-	16.295.940.000	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	48.079.301.279	
2.1	Khôi phục tái thiết nguồn NSTW	-	18.958.118.279	
2.2	Dự án khắc phục thiên tai	-	29.121.183.000	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		641.476.224.494	
IV	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		25.132.603.051	
C	KẾT DƯ NGÂN SÁCH HUYỆN	-	18.780.907	